ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 107 /2026/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 347/TTr-SXD ngày 13/9/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa

bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 Quyết định;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, NNMT, VHXH, CNXDNgọc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tô Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định Quy trình bảo trì mẫu; việc bàn giao, giao trực tiếp quản lý và vận hành công trình; lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hằng năm đối với các công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG QUY TRÌNH BẢO TRÌ MẪU

Điều 3. Bàn giao, giao trực tiếp quản lý và vận hành công trình sau đầu tư

1. Sau khi công trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng, Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao công trình và hồ sơ hoàn thành công trình tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và lập hồ sơ bảo trì. Thành phần hồ sơ bàn giao bao gồm: Quyết định phê duyệt dự án; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hoặc bản vẽ hoàn công; biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; quy trình bảo trì mẫu ban hành kèm theo Quyết định này và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, vận hành của nhà sản xuất thiết bị (nếu có). Trường hợp công trình được bàn giao trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực mà không còn hoặc không đầy đủ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ tài sản hiện có, kết quả kiểm tra trực quan thực tế và quá trình khai thác sử dụng để lập hồ sơ theo dõi hiện trạng công trình và xác định danh mục công việc, tần suất bảo trì phù hợp.

2. Căn cứ vào quy mô, công năng của từng loại công trình và điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương thức giao công trình cho các đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình gồm: Phòng chuyên môn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

3. Đơn vị được giao trực tiếp quản lý, vận hành công trình có trách nhiệm tổ chức khai thác công trình đúng công năng thiết kế; thiết lập Sổ theo dõi kiểm tra, bảo trì công trình hằng năm (Phụ lục X ban hành kèm theo Quy định này) để ghi chép hiện trạng kỹ thuật định kỳ; chủ động bảo vệ công trình và phòng ngừa các nguy cơ sạt lở, mất an toàn.

Điều 4. Lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hằng năm

1. Trước ngày 30 tháng 10 hằng năm, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, vận hành công trình có trách nhiệm phối hợp với Ban giám sát của cộng đồng tiến hành khảo sát thực tế hiện trạng kỹ thuật công trình để xác định nhu cầu bảo trì; lập đề xuất kế hoạch bảo trì cho năm sau gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung đề xuất phải xác định rõ danh mục công việc cần bảo dưỡng, dự kiến khối lượng, dự toán kinh phí và dự kiến nguồn lực thực hiện.

2. Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã giao bộ phận chuyên môn về xây dựng chủ trì, tiến hành rà soát, tổng hợp nhu cầu bảo trì của toàn bộ các công trình trên địa bàn; lập Kế hoạch bảo trì công trình hằng năm của xã, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Điều 5. Đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình

1. Đối tượng

Các công trình xây dựng thuộc danh mục loại dự án đặc thù được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Phương pháp và tần suất kiểm tra công trình

a) Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra trực quan kết hợp với việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị đơn giản khi cần thiết (thước dây, thước mét, dây dọi…) nhằm phát hiện các hư hỏng, xuống cấp của công trình (nứt, lún, bong tróc, hư hỏng kết cấu, thiết bị).

b) Tần suất kiểm tra: Tần suất kiểm tra công trình bao gồm kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

c) Quy trình bảo trì mẫu này quy định các yêu cầu tối thiểu trong kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa. Trường hợp công trình hoặc thiết bị lắp đặt vào công trình có quy trình bảo trì riêng do nhà thiết kế, nhà sản xuất ban hành với các yêu cầu kỹ thuật cao hơn hoặc tần suất dày hơn thì thực hiện theo quy trình riêng đó.

Điều 6. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình

1. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình được xác định phù hợp với loại công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình và điều kiện khai thác, sử dụng. Việc bảo dưỡng phải bảo đảm duy trì khả năng làm việc bình thường của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; phát hiện kịp thời và xử lý các hư hỏng, xuống cấp; bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình:

a) Công trình dân dụng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

b) Công trình giao thông tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này.

d) Công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 7. Thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình

Thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình được thực hiện theo quy định, thời hạn sử dụng và tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thiết bị. Trường hợp không có quy định, thời hạn sử dụng hoặc tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thiết bị thì việc xác định thời điểm thay thế định kỳ được căn cứ vào hiện trạng sử dụng, mức độ hư hỏng của thiết bị.

Điều 8. Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp

1. Khi công trình có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng phải khẩn trương tổ chức thực hiện sửa chữa, khắc phục theo quy trình gồm các bước: (1) Phát hiện hư hỏng; (2) Kiểm tra, khảo sát thực trạng; (3) Phân loại mức độ hư hỏng; (4) Xác định giải pháp khắc phục; (5) Xác định kinh phí và nguồn lực thực hiện; (6) Tổ chức thi công sửa chữa; (7) Tổ chức nghiệm thu hoàn thành.

2. Việc sửa chữa phải bảo đảm an toàn, phù hợp với điều kiện thực tế và không làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc của công trình.

3. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện xử lý một số dạng hư hỏng công trình:

a) Công trình dân dụng tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy định này.

b) Công trình giao thông tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy định này.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quy định này.

d) Công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Quy định này.

4. Đối với các hư hỏng không có trong Quy định này, đơn vị quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường và ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tính chất, mức độ hư hỏng để tổ chức xử lý theo thẩm quyền; trường hợp cần khảo sát, kiểm định, đánh giá an toàn, thiết kế hoặc công việc yêu cầu điều kiện năng lực chuyên môn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành có liên quan; trường hợp vượt thẩm quyền hoặc vượt khả năng bố trí kinh phí thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ hoặc quyết định phương án xử lý.

Điều 9. Thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình

Thời gian sử dụng của công trình, bộ phận, hạng mục công trình được xác định theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và các quy định của pháp luật có liên quan. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, vận hành và bảo trì công trình có trách nhiệm:

1. Căn cứ hồ sơ thiết kế, tài liệu hoàn công và các quy định có liên quan để xác định, theo dõi thời gian sử dụng của công trình.

2. Tổ chức quản lý, sử dụng công trình bảo đảm phù hợp với thời gian sử dụng theo quy định:

a) Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình, thời gian sử dụng được xác định theo quy định và tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thiết bị. Trường hợp không có quy định, thời hạn sử dụng hoặc tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thiết bị thì thời gian sử dụng được xác định căn cứ vào hiện trạng sử dụng, mức độ hư hỏng của thiết bị.

b) Trường hợp công trình, bộ phận công trình hoặc thiết bị hết thời gian sử dụng hoặc có dấu hiệu không bảo đảm an toàn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham

gia hoặc có liên quan trong quản lý, vận hành và bảo trì công trình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá và thực hiện sửa chữa, thay thế hoặc xử lý theo quy định.

Điều 10. Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện bảo trì có trách nhiệm bảo đảm an toàn lao động, thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro, che chắn, cảnh báo khu vực thi công và thu gom, xử lý chất thải theo quy định. Không được thực hiện bảo trì khi không bảo đảm điều kiện an toàn; khi xảy ra sự cố phải kịp thời xử lý và báo cáo theo quy định.

2. Việc bảo trì công trình phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện Quy định này để quản lý, vận hành và bảo trì các công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế thực hiện dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành và bảo trì công trình của Ủy ban nhân dân các xã, phường. Thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 49 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Giao phòng chuyên môn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã hoặc Ban phát triển thôn: Trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

2. Giao phòng chuyên môn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã xây dựng kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình bảo trì mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

PHỤ LỤC I

Tần suất kiểm tra công trình

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Đối tượng	Kiểm tra định kỳ	Kiểm tra đột xuất	Ghi chú
1	Công trình dân dụng	Ít nhất 01 lần/6 tháng	Sau mưa bão, khi có dấu hiệu xuống cấp, mất an toàn	
2	Công trình giao thông	Ít nhất 02 lần/năm (trước và sau mùa mưa bão)	Sau thiên tai hoặc khi có hư hỏng	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật	Ít nhất 01 lần/năm	Khi thiết bị không hoạt động hoặc có sự cố	
4	Công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường	Ít nhất 02 lần/năm	Trước và sau mùa mưa bão	

Ghi chú: Tần suất kiểm tra quy định tại Phụ lục này là tần suất tối thiểu. Căn cứ điều kiện thực tế, đơn vị quản lý có thể chủ động tăng tần suất kiểm tra. Đối với công trình tại khu vực miền núi, vùng có nguy cơ thiên tai cao (sạt lở, lũ ống, lũ quét), đơn vị quản lý có trách nhiệm **chủ động thực hiện kiểm tra đột xuất trước, trong và ngay sau khi xảy ra thiên tai** để kịp thời phát hiện hư hỏng, bảo đảm an toàn khai thác.

PHỤ LỤC II

Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình dân dụng

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
1	Tường trong nhà, ngoài nhà	Kiểm tra bề mặt; quan sát vết nứt, bong tróc lớp trát, lớp sơn; làm sạch bụi bẩn, rêu mốc; trám vá vết nứt nhỏ; xử lý chống thấm cục bộ tại vị trí phát sinh.	
2	Cửa đi, cửa sổ	Kiểm tra khung, cánh, kính; kiểm tra bản lề, ray trượt, khóa; làm sạch; bôi trơn các vị trí chuyển động; điều chỉnh liên kết; xử lý hư hỏng nhỏ.	
3	Trần nhà, hành lang	Kiểm tra nứt, võng, thấm; làm sạch bề mặt; cạo bỏ lớp bong tróc; xử lý thấm nhẹ cục bộ.	
4	Sàn nhà	Kiểm tra độ bằng phẳng; kiểm tra gạch nứt, phồng rộp; làm sạch; thay thế viên hư hỏng nhỏ; xử lý trơn trượt tại vị trí sử dụng.	
5	Gạch ốp khu vệ sinh	Kiểm tra mạch vữa, vị trí bong nứt; làm sạch; trám lại mạch; thay thế gạch hư hỏng cục bộ.	
6	Mái công trình	Kiểm tra mái, vật liệu lợp, liên kết; làm sạch bề mặt mái; khơi thông máng xối, ống thoát nước; xử lý thấm dột nhỏ tại vị trí cục bộ.	
7	Kết cấu bê tông cốt thép	Kiểm tra vết nứt, bong lớp bảo vệ; làm sạch; trám vá hư hỏng nhỏ; xử lý cục bộ bề mặt bị thấm.	
8	Kết cấu mái (thép, gỗ)	Kiểm tra liên kết; kiểm tra rỉ sét, mối mọt; làm sạch; xử lý chống rỉ, chống mối mọt cục bộ.	
9	Hệ thống điện, mạng	Kiểm tra dây dẫn, thiết bị, điểm nối; làm sạch; siết chặt mối nối; thay thế thiết bị hư hỏng nhỏ; bảo đảm vận hành an toàn.	
10	Hệ thống chống sét	Kiểm tra dây dẫn, kim thu, tiếp địa; làm sạch; siết chặt liên kết; gia cố vị trí lỏng.	
11	Hệ thống cấp, thoát nước	Kiểm tra đường ống, thiết bị; phát hiện rò rỉ; làm sạch; xử lý rò rỉ nhỏ; khơi thông dòng chảy; xử lý tắc nghẽn nhẹ.	

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
12	Bồn nước, thiết bị dùng nước	Kiểm tra phao, van, rò rỉ; vệ sinh bồn; loại bỏ cặn bám; xử lý hư hỏng nhỏ.	
13	Bình chữa cháy	Kiểm tra tình trạng hoạt động, các hệ thống, bộ phận kỹ thuật của phương tiện: mỏ vịt, đầu phun, đồng hồ báo áp suất khí nén, trường hợp phát hiện hư hỏng đem đến đơn vị chuyên ngành để sửa chữa.	
14	Máy, thiết bị (nếu có)	Kiểm tra tình trạng hoạt động; làm sạch; bôi trơn bộ phận chuyển động; xử lý hư hỏng nhỏ.	
15	Khuôn viên	Dọn dẹp; phát quang cây cỏ; thu gom rác; nạo vét bùn đất; khơi thông rãnh thoát nước; xử lý đọng nước cục bộ.	
16	Sân, sân thể thao	Kiểm tra bề mặt (bê tông, nhựa, cỏ); làm sạch; xử lý trơn trượt; vá sửa hư hỏng nhỏ; bảo đảm bằng phẳng, an toàn sử dụng.	

PHỤ LỤC III

Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình giao thông

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
I	**Nền đường**	- Đắp phụ nền được thực hiện tại những vị trí nền đường bị thu hẹp, lún trượt gây mất an toàn giao thông, bề rộng nền đường không còn đủ như thiết kế ban đầu hoặc thu hẹp về một bên. Nền được đắp lại bằng đất thích hợp hoặc cấp phối tự nhiên, đầm lèn đạt độ chặt yêu cầu và vỗ mái taluy. Trình tự tiến hành: Phát dọn sạch cây, cỏ xung quanh khu vực nền bị thu hẹp; Đánh cấp; Đổ vật liệu thành từng lớp đầm nén xong từng lớp mới đắp tiếp lớp khác; Bạt và vỗ mái taluy, có thể trồng cỏ để giữ mái ta luy. - Khi có khối đất đá sụt xuống gây tắc rãnh dọc, phải hót sạch, hoàn trả lại mái taluy và kích thước ban đầu của rãnh dọc đảm bảo thoát nước. Không san gạt ra lề đường làm tôn cao lề đường, gây đọng nước trên mặt đường. - Phát cây, cắt cỏ và tỉa cành được thực hiện để đảm bảo tầm nhìn, không che khuất cọc tiêu, biển báo và không làm ảnh hưởng đến thoát nước.	
II	**Lề đường**	- Khi lề đường bị xói thấp hơn so với mép mặt đường, phải đắp phụ lề bằng cấp phối thiên nhiên hay vật liệu hạt cứng. Trình tự tiến hành: Vệ sinh, cày xới diện tích cần đắp phụ; Rải vật liệu và san gạt đảm bảo kích thước và độ dốc ngang hướng ra phía ngoài, đầm đạt độ chặt. - Khi lề đường có đất rác lắng đọng, lề đường bằng đất cao hơn mặt đường hoặc cao hơn mặt lề đường gia cố, hoặc không đảm bảo độ dốc thoát nước ngang (do đất đá hoặc cỏ mọc làm cho nước mặt đường không thoát được sang hai bên) phải vét đất lề hay bạt lề đảm bảo độ bằng phẳng và độ dốc ngang.	
III	**Mặt đường**	Theo mức độ bẩn của mặt đường tiến hành vệ sinh mặt đường.	
IV	**Hệ thống thoát nước**	Kiểm tra rãnh, cống; nạo vét bùn đất; làm sạch; khơi thông dòng chảy; xử lý tắc nghẽn nhẹ; bảo đảm thoát nước.	

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
1	Rãnh thoát nước	- Khơi rãnh: Khi mưa to phải khơi rãnh, loại bỏ đất, đá, cây cỏ rơi vào trong lòng rãnh gây tắc dòng chảy, làm cho nước chảy tràn lên lề đường, dọc theo mặt đường hoặc tràn qua đường sẽ làm xói lề, xói mặt đường, gây sạt lở taluy âm nền đường. - Đào rãnh: Với các đoạn rãnh đất thường hay bị đất bồi lấp đầy, đọng nước trong lòng rãnh (đặc biệt đối với các rãnh đỉnh), cần phải đào trả lại kích thước hình học và độ dốc dọc ban đầu của rãnh để đảm bảo đủ tiết diện thoát nước. Trình tự tiến hành: Cắm cọc xác định vị trí mép rãnh thẳng (trên đường thẳng) và cong đều (nếu trên đường cong); Đào theo phạm vi xác định đến kích thước và độ dốc thiết kế của rãnh; Vận chuyển đất đào đổ đến nơi quy định, không để trên lòng đường, lề đường, cản trở thoát nước mặt đường.	
2	Cống tròn thoát nước	Nạo vét đất, đá, vệ sinh rác thải xung quanh cửa thu, lưới chắn rác tại các vị trí hố thu để thu nước được đảm bảo; Nạo vét đất, đá lắng đọng trong hố thu nước thượng lưu, trong lòng cống và hạ lưu cống để thông thoát nước cho cống. - Trám lại các khe nối ống cống bị bong nứt, các vết nứt tại tường đầu, tường cánh, sân thượng hạ lưu, mái vòm cống bằng vật liệu thích hợp; Xây lại các kết cấu bị vỡ bằng vật liệu tương đồng, đảm bảo hình dạng và trạng thái như ban đầu. - Thanh thải dòng chảy thượng và hạ lưu cống theo trình tự: Nạo vét đất, cát lắng đọng trong dòng chảy; Phát quang cây, cỏ ở hai bên dòng chảy, hai đầu cống đảm bảo thoát nước tốt.	
V	**An toàn giao thông**	Kiểm tra tổng thể; làm sạch; chỉnh lại vị trí lệch; xử lý hư hỏng nhỏ; bảo đảm rõ ràng, dễ nhận biết.	
1	Cọc tiêu	Dựng lại cọc nghiêng; làm sạch; bổ sung cọc thiếu; bảo đảm dẫn hướng giao thông.	
2	Biển báo	Sơn biển báo (cột và mặt sau của biển); Dán lại lớp phản quang trên bề mặt biển báo bị hư hỏng; Thay thế, bổ sung biển báo bị gãy, mất; Nắn chỉnh, tu sửa các biển báo bị cong, vênh; dựng lại các biển báo bị	

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
		nghiêng lệch cho ngay ngắn, đúng vị trí và vệ sinh bề mặt bảo đảm sáng sủa, rõ ràng; Vệ sinh, bảo dưỡng, xiết bu lông cột biển báo; Phát cây, thu dọn các chướng ngại vật không để che lấp biển báo.	
3	Hộ lan đá xây	Quét vôi tường hộ lan; Vá, sửa những vị trí tường hộ lan bị sứt, vỡ; Phát quang không để cây cỏ mọc che lấp.	
VI	**Mái taluy**	Phát quang cây cỏ; dọn vật cản; khơi thông thoát nước; gia cố vị trí xói lở nhẹ; xử lý hư hỏng cục bộ.	

PHỤ LỤC IV

Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
1	Đập đầu mối	Kiểm tra đất đá xung quanh, đắp bổ sung thêm đất, cát vào những chỗ bị xói lở; kiểm tra những chỗ bị rạn nứt, trát kín lại bằng vật liệu phù hợp; dọn dẹp đất đá bị lấp vào; dọn dẹp chỉnh để dòng chảy vào ngăn thu nước.	
2	Đường ống	Kiểm tra tuyến ống; bồi đắp thêm đất vào những chỗ bị xói lở hoặc bị hở đường ống; súc, xả cặn đọng trong đường ống bằng các van xả cặn, xả khí.	
3	Trụ đỡ đường ống	Đắp đất, đá vào chân các trụ đỡ ống; xây trát lại các chỗ bị nứt, vỡ; cạo cặn gỉ các đai nẹp, neo giữ ống, nếu có thể tháo ra sơn chống gỉ lại; kiểm tra các bu lông, đai ốc của neo giữ ống, cạo bỏ cặn gỉ, bôi dầu mỡ, vặn chặt trở lại.	
4	Hố van	Xúc bỏ những cặn đất, nước đọng trong hố van; bảo dưỡng van; chỉnh đậy lại nắp đan, trát vá những chỗ nứt nẻ ở tường, đáy hố van và tấm nắp đan.	
5	Bể lọc (ngăn lắng)	Vớt rác, rong rêu, lá cây có trong bể; kiểm tra đường ống xả cặn; sơn lại những chỗ ống bằng thép bị gỉ; kiểm tra lại các tay phai, cửa gỗ, cọ rửa sạch sẽ rong rêu và đóng lại chặt chẽ; bảo dưỡng các van đưa nước ra vào bể; bồi đắp đất vào những chỗ bị xói lở quanh chân móng bể, trát vá lại những chỗ tường bị nứt nẻ; khơi thông rãnh thoát nước không để nước chảy hoặc ngập lâu xung quanh móng bể; xả cặn ở bể; phát quang đường đi xung quanh bể.	
6	Bể lọc (ngăn lọc)	Vớt rác, rong rêu, lá cây có trong bể; kiểm tra đường ống xả tràn, xả cặn; sơn lại những chỗ ống bằng thép bị gỉ; kiểm tra lại các tay phai, cửa gỗ, cọ rửa sạch sẽ rong rêu và đóng lại chặt chẽ; kiểm tra lại độ dày của cát lọc trong bể còn dày bao nhiêu, nếu còn ít hơn theo quy định kỹ thuật thì cần phải bổ sung đổ thêm cát để đảm bảo đủ độ dày; rửa cát lọc, cát lọc được múc ra ngoài bể để rửa, sau khi rửa cần phải giữ lại một chỗ có che chắn xung quanh để không bị bùn,	

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
		đất và rác lẫn vào; bảo dưỡng các van đưa nước ra vào bể; trát lại những chỗ bị nứt nẻ ở tường, nóc và nắp bể.	
7	Bể chứa	Khơi thông rãnh thoát nước xung quanh bể; phát quang, dọn dẹp sạch đất, rác xung quanh bể; kiểm tra các khoá van vào ra bể; kiểm tra sự hoạt động của van phao, vặn chặt các ốc vít của van, cân chỉnh, đặt lại van phao đúng vị trí; kiểm tra các vòi nước, tháo đầu ty của vòi kiểm tra các đĩa trong vòi, quấn băng keo hoặc vặn chặt lại để nước không bị rò rỉ qua bể; đậy lại nắp bể, kiểm tra lại hố van nước vào bể.	
8	Mạng lưới đường ống và tuyến dẫn và phân phối nước	Đi dọc theo tuyến ống bồi đắp bổ sung vào những chỗ bị xói lở hoặc lún sụt; kiểm tra lại những đoạn ống đi nổi trên mặt đất, sơn lại những chỗ bị gỉ; bắt chặt lại neo, giá đỡ ống; trát vá lại những trụ ống bị nứt, xô lệch; bồi đắp đất vào chân những trụ đỡ bị xô lệch; kiểm tra những hố van trên mạng lưới đường ống; tẩy rửa đường ống.	
9	Trụ vòi	Khơi thông thoát nước xung quanh sân trụ vòi, bồi đắp những chỗ bị xói, lở; kiểm tra sự hoạt động của vòi nước; siết lại đai ốc ở trong vòi nước, nếu hư hỏng, rò rỉ cần phải thay thế; kiểm tra hố van nước trụ vòi; quét dọn sạch sẽ xung quanh trụ vòi, dọn sạch rong rêu bám ở mặt sân trụ vòi.	
10	Đường ống ra vào hộ gia đình	Bồi đắp bổ sung vào những chỗ bị xói, lở hoặc lún sụt; kiểm tra lại những đoạn ống đi nổi trên mặt đất, sơn lại những chỗ bị gỉ; bắt chặt lại neo, giá đỡ ống; trát vá lại những trụ ống bị nứt, xô lệch; bồi đắp đất vào chân những trụ đỡ bị xô lệch.	
11	Đồng hồ nước vào nhà hoặc vào bể sử dụng	Kiểm tra hố chứa đồng hồ, nạo vét sạch bùn, cát trong hố, đóng mở thử van sau đồng hồ để xem đồng hồ còn hoạt động hay không, lau chùi sạch mặt kính đồng hồ, đậy lại kín khít nắp của hố đựng đồng hồ; quét dọn sạch sẽ xung quanh hố đựng đồng hồ; nếu đồng hồ bị hư hỏng hoặc nghi ngờ có sự sai lệch cần phải kiểm tra kỹ trước khi tháo đưa đến cơ sở chuyên ngành để sửa chữa.	

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
12	Hệ thống chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời)	Kiểm tra tình trạng chiếu sáng; làm sạch thiết bị; thay bóng, phụ kiện hư hỏng nhỏ; bảo đảm chiếu sáng ổn định, an toàn.	
13	Cột đèn, kết cấu đỡ (đèn năng lượng mặt trời)	Kiểm tra độ ổn định, nghiêng, lún; làm sạch; siết chặt liên kết; gia cố vị trí lỏng; xử lý hư hỏng nhỏ.	
14	Tấm pin, ắc quy (đèn năng lượng mặt trời)	Kiểm tra hiệu suất, khả năng lưu trữ; làm sạch bề mặt; kiểm tra kết nối; xử lý hư hỏng nhỏ; bảo đảm an toàn điện.	
15	Thiết bị điều khiển (đèn năng lượng mặt trời)	Kiểm tra tình trạng hoạt động; làm sạch; kiểm tra kết nối; xử lý hư hỏng nhỏ; bảo đảm vận hành hệ thống.	
16	Sân, cổng, tường rào	Kiểm tra nứt, lún; làm sạch; trám vá vị trí hư hỏng nhỏ; gia cố cục bộ; bảo đảm an toàn sử dụng.	
17	Nhà để xe (gara)	Kiểm tra mái, kết cấu; làm sạch; xử lý thấm dột nhỏ; trám vá hư hỏng nhỏ; bảo đảm an toàn sử dụng.	
18	Giếng khoan	Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị khai thác và khả năng cấp nước; vệ sinh, súc rửa và bảo vệ giếng, xử lý hư hỏng.	
19	Giếng đào	Kiểm tra, bảo dưỡng kết cấu giếng và khả năng khai thác; vệ sinh, nạo vét và bảo vệ nguồn nước, xử lý hư hỏng.	

PHỤ LỤC V

Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng Công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
1	Tuyến công trình (kênh, mương)	- Dọn sạch bờ kênh, mái kênh, lòng kênh, vớt hết rác rưởi, đất đá làm cản dòng nước trên rãnh tiêu nước dọc kênh, trước lưới chắn rác của xi phông hoặc cầu máng, trước cửa cống, khe phai, trước các công trình trên kênh mà nếu không thực hiện sẽ ảnh hưởng ngay đến việc vận hành phân phối nước. - Bồi trúc bờ kênh, mái kênh đảm bảo nước không đọng trên bờ và mái kênh. - Nạo vét đất lắng đọng tại các bể lắng trước các cống luồn, xi phông chuyển nước, kênh dẫn ven núi, giếng kiểm tra. - Trồng cỏ vào những chỗ có cỏ chết, cắt cỏ dọc bờ kênh và mái ngoài của kênh. - Lát, sắp xếp lại những chỗ kè đá, lát gạch hoặc tấm bê tông bị bong ra. - Sửa chữa những chỗ bị thẩm lậu, sạt sụt gây mất nước trên kênh. - Cọ rửa sạch sẽ cánh cửa cống, các bộ phận công trình bị rêu, rác bám.	
2	Lưới chắn rác, cửa van, máy đóng mở và các thiết bị cơ khí	- Sơn lại lớp sơn bảo vệ bị bong tróc trên bề mặt lưới chắn rác, bề mặt cửa van, khe van, khe phai, vỏ máy đóng mở và các thiết bị cơ khí khác nếu có. - Sửa chữa hoặc thay thế thiết bị kín nước cửa van khi bị rò rỉ, vớt các vật cản như rác nổi, cành cây trong khe van, khe phai. - Thay thế hoặc tra bổ sung dầu, mỡ tại những ổ trục của máy đóng mở và các thiết bị cơ khí (nếu có), bổ sung dầu bôi trơn ở các thiết bị chuyển động như: Dây cáp, ty van, dây curoa. Sau khi bảo dưỡng, khắc phục những hư hỏng, sai sót nhất thiết phải vận hành thử để kiểm tra hoạt động của thiết bị.	
3	Cống ngầm, xi phông hoặc tuy nen	- Sửa chữa, khắc phục tình trạng bong tróc, xô xệch, sụt lún của lớp bảo vệ mái và đáy các đoạn kênh chuyển tiếp, khu vực cửa vào và cửa ra của công trình. Trường hợp phải thay thế các khối kết cấu lát bảo vệ bị hư hỏng thì vật liệu thay thế phải có cường độ tương đương với cường độ của khối kết cấu đã bị hư hỏng.	

TT	Hạng mục	Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng	Ghi chú
		- Xây trát, gắn chít các vị trí bị vỡ lở, nứt nẻ trên các bộ phận xây đúc của công trình như: Thân cống, tường cánh, tường ngực, bể lắng cát, bể tiêu năng. Cường độ của vật liệu dùng để xây trát, gắn chít tu sửa công trình phải tương đương với cường độ của bộ phận xây đúc bị hư hỏng. - Đắp bù đất tại các khu vực bị lún sụt, nhất là các khu vực tiếp giáp giữa công trình với đất. Đất dùng để xử lý đắp bù phải đồng chất, khi đắp phải đảm bảo gắn kết lớp đắp mới và cũ, đảm bảo dung trọng và độ chặt theo thiết kế; - Nạo vét bùn cát lắng đọng tại đáy bể lắng cát trước cửa vào, bể tiêu năng sau cửa ra. - Sửa chữa, phục hồi, hoặc sơn sửa lại các cột đo mực nước trong trường hợp chúng bị đổ, vỡ hoặc các vạch sơn và số đo bị mờ.	
4	Cầu máng	Thực hiện như đối với Cống ngầm, xi phông hoặc tuy nen ngoài ra thực hiện thêm một số nội dung sau: - Bảo dưỡng, sửa chữa khắc phục tình trạng rò rỉ nước tại các khớp nối hai đầu máng và khớp nối giữa các đoạn thân máng. - Sau mỗi đợt dẫn nước, chuyển nước phải tháo cạn nước trong lòng máng.	
5	Bậc nước và dốc nước	Thực hiện như đối với Cống ngầm, xi phông hoặc tuy nen ngoài ra thực hiện thêm một số nội dung: Sửa chữa tình trạng xói lở phía hạ lưu bậc nước và dốc nước, hiện tượng xói ngầm dưới bản đáy tại các vị trí khớp nối, đảm bảo khớp nối kín nước, không làm tăng thêm tình trạng xói ngầm dưới bản đáy bậc nước, dốc nước.	
6	Đường ống dẫn nước	- Chít trát những vị trí thân ống bị rò rỉ nước. - Xây trát những vị trí bị sứt mẻ, bong tróc của các hạng mục bằng bê tông, xây đúc như trụ đỡ ống, bộ phận vào, cửa ra. - Sơn lại lớp sơn bảo vệ bị bong tróc trên bề mặt lưới chắn rác, bề mặt cửa van, khe van, khe phai, vỏ máy đóng mở, thân (ống thép) và các thiết bị cơ khí khác nếu có. - Phát dọn cây, cỏ trong phạm vi hành lang bảo vệ đường ống; - Bổ sung dầu mỡ vào các van xả cát, xả khí, máy đóng mở cửa van nước ở hai đầu đường ống.	

PHỤ LỤC VI

Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa hư hỏng công trình dân dụng

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
1	Màng sơn bị rêu mốc, ố bẩn	Làm sạch bề mặt; xử lý rêu mốc; bả vá vị trí hư hỏng; sơn lót và sơn phủ hoàn thiện.	
2	Màng sơn bong phấn, nứt, phồng rộp, bong tróc	Cạo bỏ lớp sơn hư hỏng; xử lý nguyên nhân ẩm nếu có; chà nhám; bả vá; sơn lót và sơn phủ lại.	
3	Kết cấu bị nứt, lún	Kiểm tra phạm vi; vệ sinh khe nứt; trám vá, gia cố cục bộ; trường hợp nghiêm trọng xử lý theo thiết kế.	
4	Lớp vữa trát bị nứt, bong	Cạo bỏ lớp hư hỏng; làm sạch; trám lại bằng vữa phù hợp; hoàn thiện bề mặt.	
5	Gạch lát bị bong, vỡ	Tháo dỡ viên hư hỏng; vệ sinh nền; bù vữa; lát lại và chít mạch.	
6	Thấm mái	Kiểm tra vị trí thấm; xử lý chống thấm; gia cố mối nối; kiểm tra thoát nước mái.	
7	Thấm nền, khu vệ sinh	Bóc lớp hoàn thiện; chống thấm lại; thử kín nước; lát hoàn thiện.	
8	Cửa bị xệ, khó đóng mở hoặc thấm nước	Kiểm tra bản lề, khe tiếp giáp; điều chỉnh, siết chặt hoặc thay thế; bơm keo chống thấm nếu cần.	
9	Nước mưa chảy ngược, tường ngoài bị bẩn	Tạo lại độ dốc thoát nước; làm sạch; xử lý chống thấm; hoàn thiện bề mặt.	
10	Hệ thống điện hư hỏng	Ngắt nguồn; kiểm tra dây dẫn, thiết bị; thay thế bộ phận hư hỏng; kiểm tra an toàn vận hành.	
11	Hệ thống cấp thoát nước rò rỉ, tắc	Xác định vị trí; thông tắc; thay thế đoạn ống hoặc phụ kiện hư hỏng; kiểm tra lưu thông.	
12	Bình chữa cháy hư hỏng	Kiểm tra tình trạng hoạt động, các hệ thống, bộ phận kỹ thuật của phương tiện: mỏ vịt, đầu	

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
		phun, đồng hồ báo áp suất khí nén, trường hợp phát hiện hư hỏng đem đến đơn vị chuyên ngành để sửa chữa.	
13	Thiết bị lắp đặt bị lỏng, hư hỏng	Kiểm tra liên kết; siết chặt; gia cố hoặc thay thế; kiểm tra vận hành.	
14	Mặt sân bê tông bị nứt, bong tróc, rỗ	Làm sạch; cắt mở rộng khe nứt nếu cần; trám vá; láng hoàn thiện bề mặt.	
15	Mặt sân bị lún, võng	Đục bỏ phần hư hỏng; xử lý nền; đầm chặt; đổ bù vật liệu phù hợp; hoàn thiện bề mặt.	
16	Mặt sân đọng nước, thoát nước kém	Tạo lại độ dốc; khơi thông rãnh; bổ sung điểm thu nước nếu cần.	
17	Mặt sân trơn trượt	Làm sạch rêu mốc; xử lý tạo nhám; phủ lớp chống trượt.	
18	Mặt sân thể thao bong, mờ lớp phủ	Cạo bỏ lớp hư hỏng; làm sạch; sơn phủ lại bằng vật liệu chuyên dụng.	
19	Mặt sân thể thao bị nứt	Xử lý khe nứt; trám bằng vật liệu phù hợp; hoàn thiện lớp phủ.	
20	Sân đất, cấp phối hoặc thiết bị sân thể thao hư hỏng	San gạt, bù vật liệu, lu lèn; kiểm tra, siết chặt, gia cố hoặc thay thế thiết bị hư hỏng.	

PHỤ LỤC VII

Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa hư hỏng công trình giao thông

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
1	Khe nối tấm mặt đường bê tông xi măng bị gãy nứt, bong bật	Loại bỏ vật liệu trám khe cũ đã nứt vỡ bằng phương pháp thích hợp; Cậy bỏ các viên đá kẹt trong khe co dãn, dùng chổi hoặc hơi ép làm sạch đất cát lấp trong khe co dãn, đảm bảo các khe khô và sạch; Trám khe bằng vật liệu trám khe bằng hỗn hợp matít nhựa hay bằng một vật liệu thích hợp; Miết chặt vật liệu trám bằng dụng cụ thích hợp để có cao độ bằng với bề mặt tấm bê tông xi măng.	
2	Vá ổ gà trên mặt đường bê tông xi măng	- Ổ gà cục bộ, kích cỡ nhỏ: Làm sạch rác, bụi bẩn trong ổ gà; Tưới nước làm ẩm ổ gà; Pha trộn vữa xi măng, yêu cầu trộn đều; Chèn chặt ổ gà bằng vữa xi măng và làm phẳng bề mặt; bảo dưỡng đợi vữa cứng mới cho thông xe. - Nhiều ổ gà (tạo thành 1 vùng ổ gà): Cắt miếng vá vùng ổ gà thành hình chữ nhật, cạnh song song với khe ngang và khe dọc tấm bê tông xi măng. Đục bỏ bê tông xi măng cũ đến độ sâu thích hợp; Đục tạo vạch nhám các vách cắt bê tông xi măng cũ; Làm sạch lòng miếng vá, sau đó tưới nước làm ẩm miếng vá; Trộn hỗn hợp bê tông xi măng; Đổ hỗn hợp bê tông xi măng vào miếng vá và đầm chặt bằng đầm rung, chú ý tạo phẳng bề mặt miếng vá; Bảo dưỡng miếng vá, đợi đủ cường độ mới cho thông xe.	
3	Mặt đường cấp phối, đất bị lầy lội	San gạt bỏ lớp sình lầy và kết hợp khơi thông hệ thống thoát nước; cấp phối thiên nhiên, cấp phối cuội sỏi hoặc gạch vụn, đá thải vào những vị trí bị sình lầy.	
4	Mặt đường cấp phối, đất bị gồ ghề gợn sóng	Gạt bỏ các vị trí gợn sóng. Nếu gợn sóng nhiều và liên tục phải xáo xới lại lớp mặt ở vùng bị gợn sóng; Dùng máy san gạt trả lại siêu cao, độ dốc ngang và độ bằng phẳng cho mặt đường; Lu lèn sử dụng thiết bị thích hợp và đảm bảo độ chặt yêu cầu.	

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
5	Mặt đường cấp phối, đất ổ gà, lún lõm cục bộ	Đào vị trí hư hỏng thành hình vuông thành sắc cạnh với chiều sâu tối thiểu bằng chiều sâu hư hỏng; Tưới nước (nếu khu vực ổ gà, lún lõm bị khô quá); Rải cấp phối, san phẳng; Đầm nén bằng thiết bị thích hợp, cần thiết phải tưới nước để đảm bảo độ ẩm tốt nhất khi đầm.	
6	Mặt đường cấp phối, đất sình lún	Đào bỏ phần nền mặt đường bị sình lún đến hết phạm vi hư hỏng; Đắp bù bằng vật liệu chọn lọc và đầm chặt, đảm bảo độ chặt; Rải lớp mặt cấp phối, chiều dày phù hợp, đầm chặt, đảm bảo độ dốc ngang mặt đường.	

PHỤ LỤC VIII

Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
1	Đường ống dẫn không có nước (do vỡ, rò rỉ đường ống; tắc ống do cặn khí; chênh áp không đảm bảo; bể lọc bị tắc)	-Tạm thời: Thực hiện khóa van cô lập nguồn nước; sử dụng các loại đai khởi thủy, khớp nối nhanh măng xông co giãn hoặc băng keo chuyên dụng phù hợp với đường kính và chất liệu ống nhựa (PVC, HDPE) để bọc kín và siết chặt vị trí rò rỉ, nứt vỡ. - Về lâu dài: Tiến hành cắt bỏ hoàn toàn đoạn ống bị nứt vỡ, thay thế bằng đoạn ống mới đồng chất liệu và nối kín bằng khớp nối chuyên dụng; chỉ áp dụng giải pháp đổ bê tông bảo vệ bao ngoài đối với các vị trí ống thép kiên cố sau khi đã được hàn vá kín rò rỉ.	
2	Rò rỉ, nứt vỡ hư hỏng đầu mối (thi công không đảm bảo; mưa lũ; bùn đất lấp)	- Khơi thông dòng chảy tập trung nước vào đầu mối; có biện pháp để dự trữ nước đầu nguồn; rửa lọc; vớt nạo vét bùn, cặn trong bể. - Tạm thời dùng đất sét trát vào những chỗ bị nứt; hoà đất sét với nước tạo thành dung dịch đặc như hồ dán để dán vào chỗ nứt hoặc chân đầu mối. - Về lâu dài phải ngăn nước phía trên đầu mối sau đó đổ bê tông vào những chỗ nứt, rò rỉ ở chân đầu mối hoặc đổ thêm một lớp bê tông gia cố ngăn cách ở chân đập.	
3	Bể lọc bị tắc	Rửa lọc; vớt, nạo vét các bùn, cặn trong bể.	
4	Bể lọc bị nứt, rò rỉ mất nước	- Tạm thời dùng đất sét trát vào những chỗ bị nứt nẻ phía trong bể. - Về lâu dài nên cắt nước không cho vào bể, sau đó cạo lớp vữa trát ở những chỗ bị nứt nẻ trát lại bằng vữa xi măng mác cao hoặc dùng nước thuỷ tinh để phun vào những chỗ bị nứt nẻ và nghi ngờ rò rỉ hoặc dùng sơn chống thấm hoà với xi măng quét vào chỗ bị nứt nẻ nghi ngờ rò rỉ; kè cứng, trồng cây phía taluy âm để tránh trôi, trượt móng bể.	
5	Không điều khiển được van khoá	- Van không mở được do chờn ren hoặc gãy tay van:	

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
		+ Tạm thời dùng cờ lê mở nắp van, rút tay và đĩa chắn ra, sau đó vặn nắp van trở lại, dùng nilon hoặc vải dứa không thấm nước bao bọc phần đầu hở ở nắp van, sau đó khi muốn đóng vào lại mở các vật liệu bao bọc ra đưa đĩa van vào và vặn lại nắp van. + Về lâu dài ngắt nước tại vị trí có van tháo van ra đem đến đơn vị chuyên ngành để sửa chữa. - Van hỏng không đóng được: + Tạm thời tháo nắp van đẩy nắp van vào vị trí cần thiết sau đó vặn nắp van vào, lấy dây thép, thừng buộc ép ty van xuống không cho bật lên. + Về lâu dài ngắt nước tại vị trí có van tháo van ra đem đến đơn vị chuyên ngành để sửa chữa.	
6	Vòi nước bị hỏng	Tháo vòi ra dùng nêm bằng gỗ nút chặt lại hoặc mua vòi mới để thay.	
7	Bể sử dụng, trụ vòi không có nước	Kiểm tra đường ống cấp nước đến; sửa chữa trát lại những chỗ bị rò rỉ; sửa chữa, dùng van hạn chế nước vào các bể bị hư hỏng.	
8	Đồng hồ nước không quay	Tháo ra đem đến đơn vị chuyên ngành để sửa chữa và kiểm định lại.	
9	Hệ thống chiếu sáng không hoạt động (chiếu sáng sử dụng điện lưới, chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời hay chiếu sáng kết hợp)	Kiểm tra nguồn điện; kiểm tra dây dẫn; thay bóng đèn, thiết bị hư hỏng; đấu nối lại; kiểm tra chiếu sáng.	
10	Cột đèn bị nghiêng, lún (chiếu sáng sử dụng điện lưới, chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời hay chiếu sáng kết hợp)	Đào kiểm tra móng; chỉnh lại vị trí; gia cố móng; đổ bê tông cố định; kiểm tra độ thẳng đứng.	

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
11	Dây điện chiếu sáng đứt (chiếu sáng sử dụng điện lưới, chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời hay chiếu sáng kết hợp)	Ngắt điện; tháo đoạn dây hư hỏng; thay dây mới; bọc cách điện; đấu nối lại; kiểm tra an toàn.	
12	Tấm pin năng lượng hư hỏng (đèn năng lượng mặt trời)	Làm sạch; kiểm tra kết nối; thay tấm pin hư; kiểm tra công suất.	
13	Ắc quy hư hỏng (đèn năng lượng mặt trời)	Tháo bỏ; thay ắc quy mới; đấu nối lại; kiểm tra lưu trữ điện.	
14	Thiết bị điều khiển không hoạt động (chiếu sáng sử dụng điện lưới, chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời hay chiếu sáng kết hợp)	Kiểm tra mạch điện; thay thế linh kiện; lập trình lại (nếu có); kiểm tra vận hành.	
15	Sân, vỉa hè hạ tầng bị nứt, lún	Đục bỏ phần hư hỏng; xử lý nền; đổ bê tông hoặc lát lại; hoàn thiện bề mặt.	
16	Hệ thống thoát nước mặt bị đọng nước	Khảo sát cao độ; tạo lại độ dốc; bổ sung rãnh thu; hoàn thiện mặt bằng.	
17	Tường rào, trụ hàng rào nứt, lệch	Đục bỏ phần hư hỏng; xây lại; gia cố móng; hoàn thiện.	
18	Giếng khoan	Sửa chữa, thay thế các bộ phận hư hỏng; súc rửa, phục hồi giếng.	
19	Giếng đào	Gia cố, sửa chữa thành và nắp giếng; nạo vét, vệ sinh	

PHỤ LỤC IX
Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa hư hỏng
Công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Dạng hư hỏng	Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa	Ghi chú
1	Lòng mương bị bồi lấp, bồi cao gây tràn nước	Khoanh vùng; nạo vét bùn đất; vận chuyển vật liệu thải; tạo lại tiết diện, độ dốc đáy; kiểm tra dòng chảy.	
2	Lòng mương, cống qua mương bị tắc do rác, cỏ, vật cản	Dọn rác; phát quang; vớt vật cản; nạo vét; xả nước kiểm tra; bảo đảm dòng chảy thông suốt.	
3	Mương đất bị rò rỉ, sụt lún nền	Xác định vị trí hư hỏng; đào mở; xử lý nền yếu; đắp bù vật liệu; đầm chặt; hoàn thiện mái và đáy mương.	
4	Mương bê tông bị thấm, nứt	Làm sạch bề mặt; mở rộng khe nứt; trám bằng vữa hoặc keo chống thấm; xoa phẳng; kiểm tra kín nước.	
5	Mương bê tông bị vỡ, bong tróc lớp mặt	Đục bỏ phần hư hỏng; làm sạch; lắp ván khuôn khi cần; đổ bê tông hoặc trám vá bằng vữa; xoa phẳng; bảo dưỡng.	
6	Mái mương, mái taluy bị sạt lở, xói rãnh	Dọn đất sạt; đào chỉnh mái; đắp bù; đầm chặt; gia cố bằng đất, đá hoặc bê tông; phủ bảo vệ chống xói.	
7	Bờ mương, đáy mương bị xói lở, xói sâu	Làm sạch; bù vật liệu; đầm chặt; gia cố bằng đá lát hoặc bê tông; khôi phục hình dạng thiết kế.	
8	Mương đất bị biến dạng, thu hẹp, không đảm bảo dẫn nước	Đào chỉnh lòng mương; nạo vét; mở rộng tiết diện; chỉnh tuyến; xử lý điểm nghẽn; hoàn thiện theo thiết kế.	
9	Cống qua mương bị hư hỏng	Đào mở; tháo dỡ cấu kiện hư hỏng; thay thế hoặc đúc lại bê tông; gia cố nền; lắp đặt hoàn thiện.	
10	Cửa lấy nước, van điều tiết và kết cấu phụ trợ hư hỏng hoặc bị kẹt	Tháo dỡ; làm sạch; bôi trơn; sửa chữa hoặc thay thế; lắp đặt lại; kiểm tra vận hành.	

PHỤ LỤC X

Mẫu sổ theo dõi kiểm tra, bảo trì công trình hằng năm

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:

..... …….....

2. Địa điểm xây dựng *(Thôn/bản, xã/phường)*:

.....…….....

3. Thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia:

……

4. Chủ đầu tư:

.....…….....

5. Quyết định phê duyệt dự án/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../202...

6. Thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng: Ngày ..... tháng ..... năm 202...

7. Thời gian sử dụng thiết kế của công trình: ..... năm.

8. Đơn vị được giao trực tiếp quản lý, vận hành công trình *(Ban phát triển thôn/Hợp tác xã/Tổ nhóm cộng đồng)*:

.....

PHẦN B. NHẬT KÝ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT HẰNG NĂM

(Do đơn vị quản lý trực tiếp lập, thực hiện định kỳ trước/sau mùa mưa bão hoặc đột xuất sau thiên tai bão lũ)

STT	Ngày, tháng kiểm tra	Người thực hiện kiểm tra	Bộ phận công trình kiểm tra	Hiện trạng kỹ thuật thực tế (Quan sát nứt, lún, thấm, hư hỏng kết cấu...)	Phân loại mức độ hư hỏng (Mức 1, Mức 2, Mức 3)	Đề xuất giải pháp và thời hạn xử lý	Chữ ký xác nhận của người kiểm tra
1	01/01/202…	Nguyễn Văn A	Mương + cống …	Tắc dòng chảy, vỡ, nứt	**Mức 1** (hoặc **Mức 2** hoặc **Mức 3)**	Khơi thông dòng chảy, thay thế, sửa chữa …	
2							

Ghi chú:

- Mức 1: Hư hỏng nhỏ/vệ sinh thường xuyên (Thôn/ HTX tự sửa chữa, bảo dưỡng).

- Mức 2: Hư hỏng trung bình (Lập danh mục, khối lượng báo cáo UBND xã duyệt kinh phí sửa chữa).

- Mức 3: Nguy hiểm (Rào chắn cảnh báo, ngừng sử dụng, báo cáo khẩn cấp UBND xã để thuê đơn vị chuyên môn đánh giá).

PHẦN C. NHẬT KÝ THEO DÕI THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA HƯ HỎNG

(Ghi lại chi tiết kết quả thực hiện của từng đợt bảo dưỡng hoặc sửa chữa công trình)

- Đợt thực hiện thứ: ..... /Năm 202...

- Thời gian thực hiện: Từ ngày ...../...../202... đến ngày ...../...../202...

- Nội dung công việc thực hiện:

+ Nội dung bảo dưỡng (Quét dọn rác, phát quang bờ kênh, khơi thông dòng chảy, sơn rỉ sét...): .....

+ Nội dung sửa chữa, khắc phục hư hỏng (Trám vá ổ gà, vá nứt tường, thay thế vòi nước rò rỉ, xử lý sự cố...) : .....

- Chủ thể thực hiện *(Ghi rõ cộng đồng dân cư tự làm, tổ thợ địa phương hay đơn vị chuyên môn được thuê)* : .....

- Tổng chi phí thực hiện: ..... đồng

(Bằng chữ: .....).

+ Nguồn kinh phí (Ghi rõ từ vốn lồng ghép ngân sách, vốn xã, hay ngày công/vật tư đóng góp tự nguyện của nhân dân) : .....

- Kết quả nghiệm thu công việc hoàn thành : .....

+ Đánh giá chất lượng bộ phận được sửa chữa: [] Đạt yêu cầu kỹ thuật [] Không đạt yêu cầu.

+ Đại diện ký biên bản nghiệm thu gồm:

* Đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

.....

* Đại diện đơn vị thực hiện sửa chữa:

.....

* Đại diện UBND cấp xã (nếu có hỗ trợ kinh phí):

.....

PHẦN D. HƯỚNG DẪN GHI SỔ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ

1. Ghi chép Sổ: Đơn vị quản lý vận hành trực tiếp phải phân công cán bộ chịu trách nhiệm mở Sổ, ghi chép trung thực, đầy đủ và liên tục các thông tin, kiểm tra định kỳ và sửa chữa đột xuất vào Sổ .

2. Thời điểm kiểm tra: Công trình giao thông, thủy lợi nhỏ, hạ tầng kỹ thuật quy mô nhỏ, phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh phải kiểm tra định kỳ tối thiểu trước mùa mưa bão (để chủ động phát hiện tắc nghẽn, nứt nẻ) và ngay sau khi kết thúc mùa bão lũ (để đánh giá sạt lở, xói mòn kết cấu) .

3. Lưu giữ hình ảnh: Khuyến khích đơn vị quản lý chụp ảnh hiện trạng công trình trước khi sửa chữa và ảnh sau khi đã thi công hoàn thành để đính kèm vào Sổ theo dõi nhằm minh bạch việc sử dụng nguồn vốn.